

BÁO CÁO

**Công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện
dự toán ngân sách địa phương 9 tháng năm 2023**

Thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, khóa X, kỳ họp thứ 6 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2023 và Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, khóa X, kỳ họp thứ 6 về phân bổ ngân sách địa phương năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2505/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, cụ thể như sau:

- Dự toán thu ngân sách nhà nước 11.000 tỷ đồng.
- + Thu nội địa 9.600 tỷ đồng.
- + Thu xuất nhập khẩu 1.400 tỷ đồng.
- Dự toán thu ngân sách địa phương (NSĐP) 11.106,7 tỷ đồng.
- + Thu cân đối NSĐP 9.679,9 tỷ đồng.
- + Thu NSTW bổ sung các CT mục tiêu, nhiệm vụ: 1.426,8 tỷ đồng.
- Dự toán chi ngân sách địa phương 11.169,7 tỷ đồng.
- + Chi cân đối NSĐP: 9.742,9 tỷ đồng.
- + Chi các CT mục tiêu, nhiệm vụ: 1.426,8 tỷ đồng.
- Bội chi ngân sách địa phương 63,0 tỷ đồng.

Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương 9 tháng năm 2023 như sau:

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NSNN 9 THÁNG NĂM 2023

I. Về thu NSNN

Ước thực hiện thu NSNN trên địa bàn 8.193,2 tỷ đồng, đạt 74,5% dự toán, giảm 7,7% cùng kỳ, gồm:

1. Phân theo nguồn thu

- Thu nội địa 7.090,5 tỷ đồng, đạt 73,9% dự toán, giảm 6,6% cùng kỳ.
- Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu 1.102,7 tỷ đồng, đạt 78,8% dự toán, giảm 14,2% cùng kỳ.

2. Phân theo khối tỉnh, huyện, thị xã, thành phố (Chi tính thu nội địa)

- Khối Tỉnh: 4.941,9 tỷ đồng, đạt 71,3% dự toán.
- Khối Huyện: 2.148,7 tỷ đồng, đạt 80,4% dự toán, trong đó: 6/9 huyện, thị xã đạt từ 75% so dự toán trở lên.

II. Về chi NSDP

Ước thực hiện chi ngân sách địa phương: 7.697,2 tỷ đồng, đạt 68,9% dự toán, tăng 5,2% cùng kỳ, trong đó:

1. Phân theo nhiệm vụ chi

- Chi cân đối NSDP: 6.438,5 tỷ đồng, đạt 66,1% dự toán, tăng 5,6% cùng kỳ, trong đó:
 - + Chi đầu tư phát triển: 2.572,8 tỷ đồng, đạt 76,8% dự toán, tăng 1,8% cùng kỳ;
 - + Chi thường xuyên: 3.850,1 tỷ đồng, đạt 62,1% dự toán, tăng 8,9% cùng kỳ;
- Chi các CTMT, nhiệm vụ: 1.258,7 tỷ đồng, đạt 88,2% dự toán, tăng 3,3% cùng kỳ.

2. Phân theo khối tỉnh, huyện, thị xã, thành phố

- Khối Tỉnh: 3.403,2 tỷ đồng, đạt 61,1% dự toán;
- Khối Huyện: 4.294 tỷ đồng, đạt 76,7% dự toán.

III. Cân đối thu, chi NSDP

1. Tổng thu NSDP 13.460,2 tỷ đồng.

- Thu NSDP hưởng 100% và thu điều tiết..... 6.801,6 tỷ đồng.
- Thu bổ sung từ NSTW..... 1.372,4 tỷ đồng.
- Thu chuyên nguồn..... 5.286,2 tỷ đồng.

2. Tổng chi NSDP 7.703,4 tỷ đồng.

- Chi cân đối Ngân sách địa phương 6.438,4 tỷ đồng.
- Chi các CTMT, nhiệm vụ 1.258,7 tỷ đồng.
- Chi tạm ứng ngân sách 6,3 tỷ đồng.

3. Tồn quỹ NSDP (1-2) 5.756,8 tỷ đồng.

- Ngân sách tỉnh..... 2.553,2 tỷ đồng.
- Ngân sách huyện, xã 3.203,6 tỷ đồng.

IV. Đánh giá

1. Kết quả đạt được

a) Về thu ngân sách

Công tác thu ngân sách được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời từ các cấp uỷ Đảng, chính quyền và sự phối hợp chặt chẽ của các Sở, ban, ngành tỉnh với các huyện, thị xã, thành phố; quản lý, khai thác nguồn thu đảm bảo thu đúng, đủ theo quy định. Tổng thu NSNN trên địa bàn đạt 74,5% dự toán, trong đó: tổng thu nội địa đạt 73,9% dự toán.

Có 6/15 khoản thu đạt từ 75% trở lên so với dự toán, gồm: Thu từ DN có vốn ĐTNN đạt 85,5%; Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 106%; Thu phí và lệ phí đạt 84%; Thu khác ngân sách đạt 92,5%; Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích,...tại xã đạt 75%; Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết đạt 92,9%. Nhìn chung, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp chuyển biến tích cực, các khó khăn, vướng mắc tiếp tục được tập trung tháo gỡ.

Có 6/9 huyện, thị xã có số thu đạt trên 75% dự toán, gồm: Châu Thành đạt 101,6%, Dương Minh Châu đạt 101%; Trảng Bàng đạt 81%; Gò Dầu đạt 104,9%; Bến Cầu đạt 98%; Tân Biên đạt 97,7%.

b) Về chi ngân sách

Thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển đạt 81,9% dự toán, tăng 1,8% cùng kỳ. Trong đó, chi từ nguồn cân đối NSĐP đạt 76,8% dự toán, tăng 1,8% so cùng kỳ; chi từ nguồn NSTW bổ sung đạt 96,5% dự toán, tăng 3,4% so cùng kỳ. Nguyên nhân đạt cao chủ yếu do: giải ngân từ nguồn năm 2022 chuyển sang; công tác phân bổ chi đầu tư phát triển đã khắc phục được tình trạng đầu tư dàn trải, không hiệu quả; các nguồn vốn được phân khai đã tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị, Sở, ngành tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố chủ động tổ chức triển khai thi công các dự án chuyển tiếp, phân khai chi tiết kế hoạch vốn cũng như tổ chức thực hiện các quy trình, thủ tục để triển khai các dự án mới; khắc phục được tình trạng đầu tư dàn trải, không hiệu quả, phê duyệt tổng mức đầu tư thiếu chính xác.

- Chi thường xuyên đảm bảo các nhu cầu chi theo dự toán; trong đó các nhiệm vụ chi thiết yếu như: đảm bảo an sinh xã hội, y tế, giáo dục đào tạo, quốc phòng, an ninh, chi trả tiền lương và các nhiệm vụ cần thiết khác. Công tác quản lý, điều hành chi ngân sách địa phương đảm bảo theo hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và trong phạm vi dự toán ngân sách được giao; thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ đảm bảo theo đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định. Các đơn vị được giao quyền tự chủ về tài chính, sử dụng kinh phí tự chủ đúng quy định. Chủ động tăng cường thực hiện việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện công khai việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước và tài sản công theo quy định.

2. Những khó khăn

a) Về thu ngân sách

Trong 9 tháng năm 2023, mặc dù nhiều ngành, lĩnh vực tiếp tục xu hướng phục hồi và có triển vọng tích cực; nhiều chính sách, giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đã và đang phát huy hiệu quả. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn còn những tồn tại, hạn chế và gặp nhiều khó khăn, thách thức khó lường làm ảnh hưởng đến thu ngân sách nhà nước và thực hiện các quy định về miễn, giảm thuế. Có 9/15 khoản thu dưới 75% so với dự toán, gồm: Thu từ DNNN đạt 57,8% dự toán, giảm 17,1% cùng kỳ; Thu từ khu vực ngoài quốc doanh đạt 60,1%, giảm 8,7% cùng kỳ; Lệ phí trước bạ đạt 69,5%, giảm 35,6% cùng kỳ; Thuế thu nhập cá nhân đạt

74%, giảm 21,8% cùng kỳ; Thuế bảo vệ môi trường đạt 62,5%, giảm 19,5% cùng kỳ; Thu tiền sử dụng đất đạt 66,3%, giảm 24,5% cùng kỳ; Thu tiền thuê đất đạt 31,5%, giảm 30,4% cùng kỳ; Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 70,7%, tăng 19,3% cùng kỳ; Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế đạt 48,2%, giảm 49,6% cùng kỳ. Nguyên nhân một số nguồn thu không đạt chủ yếu như sau:

- Một số doanh nghiệp ghi nhận tình trạng đơn hàng giảm, tiêu thụ chậm, giá nguyên liệu đầu vào tăng nên doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất dẫn đến số thuế GTGT phát sinh giảm mạnh; giảm thu thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế bất động sản; giảm thu từ lệ phí trước bạ nhà đất, ô tô và xe máy,...

- Một số chính sách thuế ảnh hưởng đến huy động nguồn thu NSNN như: Giảm thuế suất thuế GTGT từ 10% xuống 8% đối với một số nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% và giảm 20% mức tỷ lệ % khi thực hiện xuất hóa đơn đối với cơ sở kinh doanh, hộ, cá nhân kinh doanh (Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế GTGT theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội, áp dụng từ 01/7/2023 đến 31/12/2023); gia hạn thời gian nộp thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN và tiền thuê đất trong năm 2023 theo Nghị định số 12/2023/NĐ-CP ngày 14/4/2023 của Chính phủ; giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2022 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 theo Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

- Giảm thuế bảo vệ môi trường đối với xăng (trừ etanol), dầu diesel, dầu mazut, dầu nhờn, mỡ nhờn theo quy định tại Nghị quyết số 30/2022/UBTVQH15 ngày 30/12/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

b) Về chi ngân sách

- Chi đầu tư phát triển nhìn chung đã có chuyển biến tích cực, đạt khá so dự toán và cao so cùng kỳ. Tuy nhiên, nếu chỉ tính số giải ngân vốn XD/CB theo dự toán chi ngân sách đầu năm (không kể nguồn năm trước chuyển sang) thì chi đầu tư phát triển đạt 60,7%, chưa đảm bảo tiến độ dự toán. Nguyên nhân đạt thấp chủ yếu là số giải ngân từ nguồn vốn ngoài nước đạt thấp so dự toán (46,1% dự toán) do việc xây dựng kế hoạch và chuẩn bị thủ tục cần thiết để giao kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2023 của một số Sở, ngành và địa phương còn chưa chính xác, thiếu chủ động dẫn đến việc nguồn vốn được NSTW bố trí thừa so với nhu cầu; ngoài ra, do phải lập nhiều thủ tục liên quan đến nhà tài trợ và ngân hàng ở nước ngoài.

- Chi thường xuyên một số lĩnh vực chưa đạt tiến độ dự toán, cụ thể: Chi sự nghiệp kinh tế đạt 45,6% (trong đó: sự nghiệp nông nghiệp 27,4%; sự nghiệp lâm nghiệp 40,4%; sự nghiệp thủy lợi 55,8%; sự nghiệp giao thông 65,2%; sự nghiệp kiến thiết thị chính 44,6% và sự nghiệp kinh tế khác 23,6%); Sự nghiệp môi trường đạt 45,7%; sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề 64,8%; Chi sự nghiệp Y tế đạt 52,9%; Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin đạt 63,8%; Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình đạt 46,2%; Chi sự nghiệp thể dục thể thao đạt 56,1%; Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ đạt 39,4%;... Nguyên nhân chủ yếu là do: một

số nhiệm vụ chi phải triển khai thực hiện theo trình tự thời gian quy định, chưa nghiệm thu nên chưa thực hiện thanh toán.

(Kèm biểu mẫu số 59, 60, 61/CK-NSNN)

Trên đây là báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương 9 tháng năm 2023./.

Nơi nhận:

- TT: TU, HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, tx, tp;
- Trung tâm CBTH (Đảng Công
thông tin điện tử tỉnh TN);
- Sở Tài chính (Đảng Công
thông tin điện tử STC);
- LĐVP; PKT;
- Lưu: VT, VP.

Trúc 28 7

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Văn Thắng



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: 475/BC-UBND ngày 13/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023	ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	11.000.000	13.479.464	122,5%	113,7%
I	Thu cân đối NSNN	11.000.000	8.193.245	74,5%	92,3%
1	Thu nội địa	9.600.000	7.090.546	73,9%	93,4%
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	1.400.000	1.102.699	78,8%	85,8%
4	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		5.286.219		
B	TỔNG CHI NSDP	11.169.731	7.697.162	68,9%	105,2%
I	Chi cân đối NSDP	9.742.949	6.438.460	66,1%	105,6%
1	Chi đầu tư phát triển	3.349.426	2.572.826	76,8%	101,8%
2	Chi thường xuyên	6.198.923	3.850.075	62,1%	108,9%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	0	340		
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	0	0,0%	
5	Dự phòng ngân sách	193.600	12.131	6,3%	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	1.426.782	1.258.702	88,2%	103,3%
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	63.000	29.071	46,1%	
D	CHI TRẢ NỢ GỐC		3.089		



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: 475/BC-UBND ngày 13/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023	ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	11.000.000	8.193.245	74,5%	92,3%
I	Thu nội địa	9.600.000	7.090.546	73,9%	93,4%
1	Thu từ khu vực DNNN	378.500	218.887	57,8%	82,9%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.350.000	1.154.517	85,5%	106,4%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	2.166.500	1.301.148	60,1%	91,3%
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.160.000	858.709	74,0%	78,2%
5	Thuế bảo vệ môi trường	450.000	281.063	62,5%	80,5%
6	Lệ phí trước bạ	437.000	303.765	69,5%	64,4%
7	Thu phí, lệ phí	450.000	377.861	84,0%	88,2%
8	Các khoản thu về nhà, đất	1.147.000	686.707	59,9%	75,6%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	17.000	18.028	106,0%	126,4%
-	Thu tiền sử dụng đất	900.000	596.288	66,3%	75,5%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	230.000	72.391	31,5%	69,6%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	22.000	15.550	70,7%	119,3%
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	2.000	963	48,2%	50,4%
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.800.000	1.672.514	92,9%	126,4%
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	2.000	1.499	75,0%	93,1%
13	Thu khác ngân sách	235.000	217.363	92,5%	97,2%
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	1.400.000	1.102.699	78,8%	85,8%

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 9 THÁNG NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: 475/BC-UBND ngày 13/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023	ƯỚC THỰC HIỆN 9 THÁNG	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
	TỔNG CHI NSĐP	11.169.731	7.697.162	68,9%	105,2%
A	CHI CÂN ĐỐI NSĐP	9.742.949	6.438.460	66,1%	105,6%
I	Chi đầu tư phát triển	3.349.426	2.572.826	76,8%	101,8%
1	Chi đầu tư cho các dự án	3.116.867	2.296.267	73,7%	96,6%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	232.559	276.559	118,9%	181,7%
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	6.198.923	3.850.075	62,1%	108,9%
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.480.537	1.607.470	64,8%	111,3%
2	Chi khoa học và công nghệ	43.270	17.058	39,4%	127,3%
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	507.805	268.685	52,9%	117,0%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	111.370	71.040	63,8%	120,2%
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	62.205	28.720	46,2%	144,6%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	35.630	19.993	56,1%	103,5%
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	132.630	60.658	45,7%	129,3%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	865.814	395.097	45,6%	140,9%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.002.878	729.412	72,7%	107,8%
10	Chi bảo đảm xã hội	511.595	359.871	70,3%	74,0%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay		340		
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	0	0,0%	
V	Dự phòng ngân sách	193.600	12.131	6,3%	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSĐP	1.426.782	1.258.702	88,2%	103,3%
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	207.288	119.255	57,5%	
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	1.139.937	1.101.358	96,6%	96,8%
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	79.557	38.089	47,9%	107,1%